

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 04/8/2017
V/v: “Tranh chấp về thay đổi
người trực tiếp nuôi con sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liễu
2. Ông Nguyễn Minh Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Viên - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2017/ TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2017, về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2017, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Vũ Văn B**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Công ty M xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Anh B, chị T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2017, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Vũ Văn B trình bày:

Anh và chị T kết hôn năm 1999, vợ chồng có 02 con chung là Vũ Văn Thành T, sinh ngày 31/3/2002 và Vũ Thị Bảo N, sinh ngày 06/7/2010.

Ngày 28/02/2017 anh và chị T đã được Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết ly hôn. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 55/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ thì anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu N, còn chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu T. Anh và chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh và chị T. Mặc dù quyết định ghi nhận anh là trực tiếp nuôi dưỡng cháu N còn chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, nhưng trên thực tế chị T không nuôi cháu T mà anh là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu T và cháu N sau khi ly hôn cho đến nay. Cháu T cũng có nguyện vọng được sống chung với anh để cháu ổn định việc học hành. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu T và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu T.

Ngoài ra, anh B không trình bày gì thêm và không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Theo đơn khởi kiện yêu cầu phản tố, biên bản hòa giải bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Chị và anh B kết hôn năm 1999, vợ chồng có 02 con chung là Vũ Văn Thành T, sinh ngày 31/3/2002 và Vũ Thị Bảo N, sinh ngày 06/7/2010.

Ngày 28/02/2017 chị và anh B đã được Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết ly hôn. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 55/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ thì chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu T, còn anh B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu N. Sau khi chị và anh B được Tòa án giải quyết ly hôn chị vẫn giao cháu T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng vì các lý do:

Thứ nhất: Căn nhà mà anh B tặng cho chị thì chị đang cho thuê chưa hết hạn hợp đồng nên chị chưa có chỗ ở ổn định.

Thứ hai: Chị làm việc tại Công ty M nên vào thời điểm tháng 3/2017 Công ty tạm ngưng sản xuất nên công việc của chị phải ngưng lại, vì thế chị phải đi lên thành phố Hồ Chí Minh để tìm công việc tạm thời.

Thứ ba: Tại thời điểm ly hôn, cháu T đang trong thời gian đi học và chuẩn bị vào kỳ thi nên chị tạm thời để cháu T cho anh B nuôi dưỡng để việc học hành của cháu không bị gián đoạn.

Mặc dù vậy chị vẫn đến thăm nom các con chung là cháu T và cháu N nhưng anh B đã ngăn cấm và gây khó khăn cho chị và có lần anh B đã đánh chị khi chị đến thăm các con chung. Nay anh B yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu T thì chị đồng ý và chị không cấp dưỡng nuôi con đối với cháu T.

Đối với con chung là cháu N vì cháu là con gái và tuổi con nhỏ, để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý của cháu nên cần sự chăm sóc của mẹ, chị sẽ lấy lại nhà cho thuê nên có chỗ ở ổn định và đã sắp đi làm việc lại ở Công ty M, do đó chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu N và chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu N.

Ngoài ra, chị T không trình bày gì thêm và không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Đ:

Về tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Anh B và chị T có nghề nghiệp ổn định, có đạo đức tốt, tuy nhiên các con chung đang sống cùng anh B và được anh B chăm sóc tốt cả hai cháu. Cháu T và cháu N có nguyện vọng sống cùng với anh B. Anh B và chị T thỏa thuận giao cháu T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đề nghị ghi nhận theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B, đề nghị giao cháu T cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu phản tố của chị T về thay đổi người trực nuôi con sau ly hôn đối với cháu N vì anh B chăm sóc cháu N tốt, chị T không chứng minh được anh B ngăn cản chị thăm con nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung của chị T được pháp luật bảo vệ.

Về án phí: Anh B, chị T mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về thay đổi người trực nuôi con sau ly hôn" theo quy định tại Khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về xác định tư cách của đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định anh Vũ Văn B là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Hồng T là bị đơn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của các đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn B:

Anh B yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, giao cháu T cho anh trực tiếp nuôi dưỡng với lý do: Quyết định của Tòa án nhân dân huyện Đ ghi nhận chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, nhưng trên thực tế chị T không nuôi cháu T mà anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T sau khi ly hôn. Trong thời gian cháu T sống cùng với anh thì cháu T được chăm sóc tốt phát triển bình thường cả về thể chất, lẫn tinh thần. Cháu T có nguyện vọng được sống chung với anh để cháu ổn định việc học hành.

Còn chị T trình bày việc chị không trực tiếp nuôi cháu T theo quyết định của Tòa án là do sau khi ly hôn chị chưa có chỗ ở ổn định, phải đi tìm việc tạm thời và mong muốn hai con chung không hụt hẫng về tinh thần do phải sống xa nhau. Tuy nhiên, chị cũng đồng ý giao cháu T cho anh B nuôi dưỡng.

Theo yêu cầu của các đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh những người hàng xóm, người làm chung công ty của anh B và chị T và xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh B và chị T cư trú xác định anh B, chị T có nhà ở ổn định, là cha mẹ có đạo đức tốt, không vi phạm pháp luật, có việc làm và thu nhập ổn định, có đủ khả năng và điều kiện nuôi con (bút lục 38 -> 53).

Theo bản tự khai thì cháu Vũ Văn Thành T có nguyện vọng được sống cùng với anh B (bút lục 34 và 35).

Qua xem xét lời trình bày của anh B, chị T, nguyện vọng của cháu T và chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ cơ sở khẳng định cả anh B và chị T đều có đủ điều kiện nuôi cháu T. Tuy nhiên, anh B đang là người trực tiếp nuôi cháu T từ sau khi ly hôn và cháu T được chăm sóc tốt, được học hành và phát triển tốt về thể chất và tinh thần, chị T cũng đồng ý giao cháu T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, nhằm đảm bảo ổn định việc học của cháu T và theo nguyện vọng của cháu T là mong muốn sống cùng với anh B, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B, giao cháu T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng.

Về yêu cầu khởi kiện phản tố của chị T: Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu N với lý do: Chị sẽ lấy lại nhà cho thuê nên có chỗ ở ổn định và đã sắp đi làm việc lại ở Công ty M, cháu N là con gái và tuổi con nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ, trong thời gian anh B nuôi cháu N thì anh B ngăn cản, không cho chị thăm các con, để đảm bảo sự phát triển của cháu N về tâm sinh lý, nên chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu N và chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu N.

Còn anh B trình bày: Anh không chấp nhận giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng với lý do chị T không làm tròn trách nhiệm của người mẹ, có hành vi không đúng mực của người lớn đối với cháu N. Anh có đủ điều kiện nuôi cả hai con, hiện hai con đang sống chung với anh và được anh chăm sóc tốt, tình cảm hai anh em rất khăng khít và các cháu có nguyện vọng được sống với anh.

Như nhận định ở trên, anh B, chị T có nhà ở ổn định, là cha mẹ có đạo đức tốt, không vi phạm pháp luật, có việc làm và thu nhập ổn định, có đủ khả năng nuôi con.

Qua làm việc và tham khảo ý kiến cháu N thì cháu N có nguyện vọng được sống cùng với anh B (Bút lục 101).

Qua xem xét lời trình bày của chị T, anh B, nguyện vọng của cháu N và chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ cơ sở khẳng định cả chị T và anh B đều có đủ điều kiện nuôi cháu N.

Việc anh B khai chị T không đủ điều kiện nuôi cháu N là không có căn cứ, không phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương và những người hàng xóm của anh B và chị T. Việc chị T khai anh B cản trở chị thăm con cũng không có cơ sở bởi lẽ lời khai của chị T không được anh B thừa nhận, những người mà Tòa án lấy lời khai theo yêu cầu của chị T cũng khai chỉ nghe chị T nói lại việc chị bị anh B cản trở thăm con, các cháu T và N cũng xác định chị T có đến thăm các cháu và bản thân chị T cũng xác định chị thường xuyên đến thăm con.

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của chị T và anh B tại phiên tòa thì tình cảm anh em cháu N và cháu T hiện rất khăng khít, anh B là người trực tiếp nuôi cháu N từ sau khi ly hôn và cháu N được chăm sóc tốt, được học hành và phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Chị T không chứng minh được anh B cản trở chị thăm con hoặc anh B có những hành vi khác làm ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu N. Nhằm đảm bảo ổn định việc học của cháu N và theo nguyện vọng của cháu N là mong muốn sống cùng với anh B. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của chị T về thay đổi người trực tiếp nuôi cháu N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Chị T có quyền thăm con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh B, chị T mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về thời hạn kháng cáo: Anh Vũ Văn B, chị Nguyễn Thị Hồng T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 207, 208, 220, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn B, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của chị Nguyễn Thị Hồng T về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Giao con chung Vũ Văn Thành T, sinh ngày 31/3/2002 cho anh Vũ Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm miễn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị Hồng T. Chị T có quyền thăm con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh B đã nộp theo biên lai số 004130 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được tính trừ vào số tiền án phí anh B phải chịu. Anh B đã nộp đủ tiền án phí. Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000đ tiền án án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 004237 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được tính trừ vào số tiền án phí chị T phải chịu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Vũ Văn B, chị Nguyễn Thị Hồng T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phan Thanh Hà

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- UBND xã La Ngà, huyện Định Quán;
- Lưu.

Phan Thanh Hà